

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI KIM BÀI



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI KIM BÀI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Công ty

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 02/12/2004, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 02/03/2021 với mã số doanh nghiệp là 0500293795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 40, Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Phạm Trung Kiên	Chủ tịch
Bà	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Thành viên
Bà	Vũ Thị Thương Huyền	Thành viên
Ông	Trương Văn Hải	Thành viên
Ông	Hoàng Ngọc Văn	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Trương Văn Hải	Giám Đốc
Bà	Vũ Thị Thương Huyền	Phó Giám đốc
Ông	Đỗ Văn Linh	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06/07/2022)
Bà	Vũ Thị Tâm	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Thơm	Trưởng ban
Bà	Phạm Thị Tuyết Mai	Thành viên
Bà	Trịnh Thị Thu Hoài	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông	Trương Văn Hải	Giám Đốc
-----	----------------	----------

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("AISC") đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trương Văn Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2023

Số: A0123003-R/MOOREAISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội Kim Bài**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội Kim Bài (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 01 năm 2023, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

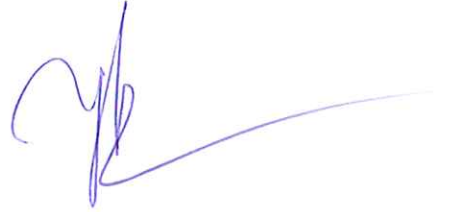
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội Kim Bài tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

30
N
G
T
M
H
V
OR
2023

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội Kim Bài cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính tại ngày 19 tháng 01 năm 2022



Phạm Xuân Sơn**Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 1450-2023-005-1

Thay mặt và đại diện

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin Học MOORE AISC

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Thanh Tùng**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 4891-2019-005-1

ÁNH
TNI
ĐÁM
TIN
AISI
5 - 12

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.700.592.467	21.428.214.049
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	163.789.410	675.802.431
1. Tiền	111		163.789.410	675.802.431
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.671.428.320	495.220.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	15.244.320	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.656.184.000	495.220.000
III. Hàng tồn kho	140	V.4	21.865.374.737	19.875.689.997
1. Hàng tồn kho	141		21.865.374.737	19.875.689.997
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	381.501.621
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	-	381.501.621
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		63.547.887.908	64.817.992.820
I. Tài sản cố định	220		50.699.192.749	56.446.556.559
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	50.699.192.749	56.446.556.559
- Nguyên giá	222		144.432.707.654	142.865.665.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.733.514.905)	(86.419.109.391)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6	183.333.338	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		183.333.338	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		12.665.361.821	8.371.436.261
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	12.665.361.821	8.371.436.261
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		87.248.480.375	86.246.206.869

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		37.332.276.379	38.942.654.736
I. Nợ ngắn hạn	310		31.413.285.179	32.955.670.036
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.8	6.006.790.056	1.851.134.330
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	2.548.000	332.528.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	8.433.176.747	2.482.044.153
4. Phải trả người lao động	314		1.893.937.191	957.215.070
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	267.598.255	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	11.724.895.000	9.084.660.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	1.105.062.020	15.582.774.173
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.979.277.910	2.665.314.310
II. Nợ dài hạn	330		5.918.991.200	5.986.984.700
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12	5.918.991.200	5.986.984.700
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.916.203.996	47.303.552.133
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	49.916.203.996	47.303.552.133
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.860.000.000	39.860.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.860.000.000	39.860.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		665.930.000	665.930.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.389.897.828	4.389.897.828
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.000.376.168	2.387.724.305
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.700.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.000.376.168	687.724.305
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		87.248.480.375	86.246.206.869



Vũ Thị Hồng
Người lập

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2023



Vũ Thị Tâm
Kế toán trưởng



Trương Văn Hải
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	134.855.648.009	100.081.696.975
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.566.587.543	1.444.103.152
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	132.289.060.466	98.637.593.823
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	97.679.177.535	76.519.878.661
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		34.609.882.931	22.117.715.162
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	60.007.854	19.528.288
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	353.741.120	461.330.828
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		353.741.120	461.330.828
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	19.110.358.109	14.357.459.050
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	10.240.435.335	7.832.683.352
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		4.965.356.221	(514.229.780)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.670.786.176	1.360.646.770
12. Chi phí khác	32	VI.9	377.439.342	40.194.306
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.293.346.834	1.320.452.464
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.258.703.055	806.222.684
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	1.258.326.887	118.498.379
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.12	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.000.376.168	687.724.305
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	1.254	74
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.14	1.254	74



Vũ Thị Hồng
Người lập



Vũ Thị Tâm
Kế toán trưởng



Trương Văn Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		241.256.377.300	180.696.837.785
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(111.242.648.661)	(95.703.913.834)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.439.480.452)	(12.958.831.481)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(353.741.120)	(461.330.828)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(550.000.000)	(732.793.474)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.589.848.639	4.798.588.245
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(105.725.268.166)	(84.037.284.527)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.535.087.540	(8.398.728.114)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(3.845.487.171)	(2.651.390.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH kh	22		209.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		60.007.854	19.528.288
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.576.388.408)	(2.631.861.712)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		40.178.678.909	81.205.398.146
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(54.656.391.062)	(68.788.623.973)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.993.000.000)	(3.587.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.470.712.153)	8.829.374.173

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(512.013.021)	(2.201.215.653)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		675.802.431	2.877.018.084
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	<u>163.789.410</u>	<u>675.802.431</u>



Vũ Thị Hồng
Người lập



Vũ Thị Tâm
Kế toán trưởng



Trương Văn Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 02/12/2004, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 02/03/2021 với mã số doanh nghiệp là 0500293795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 40, thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 ngày 02/03/2021 là: 39.860.000.000 đồng (Ba mươi chín tỷ, tám trăm sáu mươi triệu đồng chẵn)

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất bia các loại
- Sản xuất kinh doanh sản phẩm nước giải khát, kem, đá;
- Chế biến lương thực và thực phẩm;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (các mặt hàng được nhà nước cho phép).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 174 nhân viên. (Tại 31 tháng 12 năm 2021 là 175 nhân viên)**7. Cấu trúc doanh nghiệp**

Thời điểm 31/12/2022, văn phòng và khối sản xuất của Công ty đặt tại số 40, thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Việt Nam và Thông tư số 53/2016/TT/BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo sản lượng sản xuất hoàn thành đã nhập kho của các loại sản phẩm trong kỳ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền và được đánh giá theo phương pháp nguyên vật liệu trực tiếp

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	7 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; lợi thế kinh doanh; Lợi thế thương mại ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền san lấp mặt bằng không đủ điều kiện ghi nhận Tài sản cố định được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 40 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sẽ phải chi trong thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh; chi phí lãi tiền vay; chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán; chi phí phải trả về tiền lương nghỉ phép... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và Thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn

Các khoản chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng với chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng với chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền	163.789.410	675.802.431
Tiền mặt	15.248.373	302.743.929
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	148.541.037	373.058.502
Tiền đang chuyển		
Cộng	163.789.410	675.802.431

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	15.244.320	-	-	-
Công ty TNHH TM Phú Cường	15.244.320			
Cộng	15.244.320	-	-	-

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.656.184.000	-	495.220.000	-
Công ty CP công nghệ kỹ thuật và VSMT Hồng Thái - CN Hà Nội và công nghệ môi trường	-		228.360.000	
Thăng Long	-		239.360.000	
Công ty cổ phần dịch vụ và ứng dụng tự động A2S	220.000.000		-	
Công ty cổ phần khoáng sản và đầu tư xây dựng Bắc Việt	900.000.000		-	
Khác	536.184.000		27.500.000	
Cộng	1.656.184.000	-	495.220.000	-

4. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.621.786.345	-	10.439.173.279	-
Công cụ, dụng cụ	187.734.743	-	6.493.328.500	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.470.553.250	-	2.641.288.200	-
Thành phẩm	585.300.399	-	265.196.218	-
Hàng hoá			36.703.800	-
Cộng	21.865.374.737	-	19.875.689.997	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

5. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Xây dựng cơ bản dở dang	183.333.338	-	-	-
<i>Công trình nhà giới thiệu sản phẩm</i>	183.333.338	-	-	-
Cộng	183.333.338	-	-	-

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	17.813.616.282	122.891.672.239	2.160.377.429	142.865.665.950
<i>Mua trong năm</i>		503.000.000	46.010.000	549.010.000
<i>ĐT XD CB h. thành</i>	3.113.143.833			3.113.143.833
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		(726.134.685)	(699.393.818)	(1.425.528.503)
<i>Giảm khác</i>	(669.583.626)			(669.583.626)
Số dư cuối năm	20.257.176.489	122.668.537.554	1.506.993.611	144.432.707.654
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	5.557.039.781	79.173.563.835	1.688.505.775	86.419.109.391
<i>Khấu hao trong năm</i>	981.774.560	8.320.018.330	107.724.753	9.409.517.643
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		(726.134.685)	(699.393.818)	(1.425.528.503)
<i>Giảm khác (*)</i>	(669.583.626)			(669.583.626)
Số dư cuối năm	5.869.230.715	86.767.447.480	1.096.836.710	93.733.514.905
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	12.256.576.501	43.718.108.404	471.871.654	56.446.556.559
Số dư cuối năm	14.387.945.774	35.901.090.074	410.156.901	50.699.192.749

- Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 18.008.090.988
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.440.254.069

(*) Giảm khác: Phá dỡ TSCĐ cũ (nhà bán hàng và giới thiệu sản phẩm, nhà làm việc 1 tầng) để xây dựng nhà giới thiệu sản phẩm mới theo quyết định số 95/QĐ-CT ngày 31/10/2022

7. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
Chi phí trả trước dài hạn	12.665.361.821	8.371.436.261
<i>Công cụ, dụng cụ xuất dùng</i>	11.412.132.663	7.078.398.377
<i>Chi phí san lấp mặt bằng</i>	1.253.229.158	1.293.037.884
Cộng	12.665.361.821	8.371.436.261

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

8. Phải trả người bán	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	6.006.790.056	6.006.790.056	1.851.134.330	1.851.134.330
Công ty TNHH một thành viên Hà Tân	186.202.800	186.202.800	240.048.160	240.048.160
TCT Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội	716.394.456	716.394.456	1.290.771.400	1.290.771.400
Công ty cổ phần Bắc Mỹ	2.854.796.400	2.854.796.400	-	-
Công ty TNHH thương mại và vận tải Thái Tân	554.789.800	554.789.800	-	-
Khác	1.694.606.600	1.694.606.600	320.314.770	320.314.770
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
TCT Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội	716.394.456	716.394.456	1.290.771.400	1.290.771.400
Cộng	716.394.456	716.394.456	1.290.771.400	1.290.771.400
9. Người mua trả tiền trước			31/12/2022	01/01/2022
a. Ngắn hạn			2.548.000	332.528.000
Đại lý - Phạm Đình Tuất - Bình Đà			-	33.000.000
Đại lý : Bà Nguyễn thị Nga - Phú Xuyên			-	99.528.000
Đại lý: Bùi Việt Đức - ứng Hoà			-	200.000.000
Đại lý : Ông Anh - Chương Mỹ			2.548.000	-
Cộng			2.548.000	332.528.000
10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	380.023.077	22.293.631.698	21.661.311.942	1.012.342.833
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.099.553.396	87.659.951.229	82.694.069.337	7.065.435.288
Thuế TNDN		903.595.576	550.000.000	353.595.576
Thuế thu nhập cá nhân	966.880	76.355.324	76.170.354	1.151.850
Thuế tài nguyên	1.500.800	29.843.760	30.693.360	651.200
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		361.976.918	361.976.918	-
Các loại thuế khác		264.124.800	264.124.800	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		8.677.040	8.677.040	-
Cộng	2.482.044.153	111.598.156.345	105.647.023.751	8.433.176.747
b. Phải thu				
Thuế TNDN	381.501.621	381.501.621	-	-
Cộng	381.501.621	381.501.621	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

	31/12/2022		01/01/2022	
11. Chi phí phải trả				
a. Ngắn hạn				
Các khoản trích trước khác	267.598.255			-
Cộng	267.598.255			-
12. Phải trả khác				
a. Ngắn hạn				
Kinh phí công đoàn	50.000.000			
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (đặt cược bom, keg)	11.674.895.000		9.084.660.000	
Cộng	11.724.895.000		9.084.660.000	
b. Dài hạn				
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (đặt cược bom, keg)	5.918.991.200		5.986.984.700	
Cộng	5.918.991.200		5.986.984.700	
13. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.105.062.020	1.105.062.020	15.582.774.173	15.582.774.173
Vay ngân hàng TMCP Công Thương - CN Hoàng Mai	1.105.062.020	1.105.062.020	15.582.774.173	15.582.774.173
Cộng	1.105.062.020	1.105.062.020	15.582.774.173	15.582.774.173

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

Khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương - CN Hoàng Mai gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
01/2022- HĐCVHM/NHCT136-	12 tháng	9%	1.105.062.020	(*)

(*) Các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước và/hoặc cùng thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này gồm:

- Hợp đồng thế chấp số 181/2016/HĐTCĐS/NHCT136-KIMBAI ngày 26/06/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- Hợp đồng thế chấp số 01-2016/HĐTCĐS/NHCT136-KIMBAI ngày 21/11/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
- Hợp đồng thế chấp số 65/2017/HĐTCĐS/NHCT136-KIMBAI ngày 07/06/2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
- Hợp đồng thế chấp số 12/2018/HĐTCĐS/NHCT136-KIMBAI ngày 24/12/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
- Hợp đồng thế chấp số 01/2017/HĐTCĐS/NHCT136-KIMBAI ngày 26/04/2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
- Hợp đồng thế chấp tài sản công chứng số 2764.2019/HĐTC ngày 17/08/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI KIM BÀI

Số 40 Thị Trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

V. 14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	39.860.000.000	665.930.000	4.389.897.828	7.577.785.499	52.493.613.327
Lợi nhuận				687.724.305	687.724.305
Chia cổ tức				(3.587.400.000)	(3.587.400.000)
Trích quỹ				(2.290.385.499)	(2.290.385.499)
Số dư cuối năm trước	39.860.000.000	665.930.000	4.389.897.828	2.387.724.305	47.303.552.133
Số dư đầu năm nay	39.860.000.000	665.930.000	4.389.897.828	2.387.724.305	47.303.552.133
Lợi nhuận				5.000.376.168	5.000.376.168
Chia cổ tức (*)				(1.993.000.000)	(1.993.000.000)
Trích quỹ (*)				(394.724.305)	(394.724.305)
Số dư cuối năm nay	39.860.000.000	665.930.000	4.389.897.828	5.000.376.168	49.916.203.996

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2022	01/01/2022
		TCT Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	28,10%
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	71,90%	28.660.000.000	28.660.000.000
Cộng	100,00%	39.860.000.000	39.860.000.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm 2022	Năm 2021
Vốn góp của chủ sở hữu		39.860.000.000	39.860.000.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>		39.860.000.000	39.860.000.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>			
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>			
<i>Vốn góp cuối năm</i>		39.860.000.000	39.860.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			
d. Cổ tức		Năm 2022	Năm 2021
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ			
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường</i>		1.993.000.000	3.587.400.000
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>			
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa ghi nhận		-	-
d. Cổ phiếu		31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		3.986.000	3.986.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		3.986.000	3.986.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		3.986.000	3.986.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		3.986.000	3.986.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		3.986.000	3.986.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.		10.000	10.000
e. Các quỹ của doanh nghiệp		31/12/2022	01/01/2022
Quỹ đầu tư phát triển		4.389.897.828	4.389.897.828
Cộng		4.389.897.828	4.389.897.828
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		Năm 2022	Năm 2021
a. Doanh thu			
Doanh thu bán thành phẩm		134.855.648.009	100.081.696.975
Cộng		134.855.648.009	100.081.696.975
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		Năm 2022	Năm 2021
Chiết khấu thương mại		2.566.587.543	1.444.103.152
Cộng		2.566.587.543	1.444.103.152

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

	Năm 2022	Năm 2021
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần bán thành phẩm	132.289.060.466	98.637.593.823
Cộng	132.289.060.466	98.637.593.823
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của thành phẩm đã bán	97.679.177.535	76.519.878.661
Cộng	97.679.177.535	76.519.878.661
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	60.007.854	19.528.288
Cộng	60.007.854	19.528.288
6. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	353.741.120	461.330.828
Cộng	353.741.120	461.330.828
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	2.516.520.493	3.356.355.243
Chi phí vật liệu, bao bì	2.133.445.068	1.123.740.542
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	6.642.684.636	5.686.842.061
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	53.336.501
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.879.000	-
Chi phí bằng tiền khác	7.802.828.912	4.137.184.703
Cộng	19.110.358.109	14.357.459.050
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	5.224.389.248	4.130.030.718
Chi phí vật liệu, bao bì	329.298.339	353.694.384
Chi phí đồ dùng văn phòng	969.700.917	182.749.322
Chi phí khấu hao TSCĐ	309.577.622	392.364.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.257.720	298.702.174
Chi phí bằng tiền khác	3.353.211.489	2.475.142.694
Cộng	10.240.435.335	7.832.683.352
8. Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	209.090.909	-
Thanh lý keg inox cũ		61.443.637
Cho thuê cửa hàng	118.181.818	115.909.091
Thu từ bán bã bia, thu nhập khác	1.343.513.449	1.183.294.042
Cộng	1.670.786.176	1.360.646.770

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

	Năm 2022	Năm 2021
9. Chi phí khác		
Giá trị còn lại TSCĐ phá dỡ	344.507.971	
Các khoản bị phạt	32.931.371	40.194.306
Cộng	377.439.342	40.194.306
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.266.548.596	53.403.545.230
Chi phí nhân công	19.736.371.850	15.821.048.219
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.409.517.643	9.164.409.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.627.356.658	5.496.969.108
Chi phí khác bằng tiền	16.579.005.947	13.627.270.230
Cộng	115.618.800.694	97.513.242.763
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.258.326.887	118.498.379
2. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay		
3. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.258.326.887	118.498.379
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.000.376.168	687.724.305
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	(394.724.305)
- Các khoản điều chỉnh giảm		(394.724.305)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.000.376.168	293.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.986.000	3.986.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.254	74

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn tại thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Việc tính toán lại mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 173 đồng/cổ phiếu xuống 74 đồng/cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

14. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.000.376.168	293.000.000
Lãi của trái phiếu chuyển đổi, quyền chọn mua, chứng quyền		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	5.000.376.168	293.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.986.000	3.986.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân sẽ được qui đổi		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	3.986.000	3.986.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.254	74

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**3.1 Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Cổ đông lớn
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Ban lãnh đạo

3.2. Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Số dư cuối năm phải trả</u>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Cổ đông lớn	Phí bản quyền thương hiệu	4.472.816.629	665.176.536
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Cổ đông lớn	Mua vật tư	388.801.920	51.217.920

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

+ Thu nhập của HĐQT Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức danh	Năm 2022	Năm 2021
1 Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
2 Trương Văn Hải	Giám đốc, thành viên HĐQT	309.125.900	296.416.300
3 Nguyễn Thị Lệ Thủy	Thành viên HĐQT	54.000.000	106.298.500
4 Vũ Thị Thương Huyền	Phó Giám đốc, thành viên HĐQT	261.989.300	213.223.500
5 Hoàng Ngọc Văn	Thành viên HĐQT	54.000.000	54.000.000
6 Nguyễn Thị Thơm	Trưởng BKS	136.230.000	149.944.100
7 Phạm Thị Tuyết Mai	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
8 Trịnh Thị Thu Hoài	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Cộng		959.345.200	963.882.400

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).


Vũ Thị Hồng

Người lập


Vũ Thị Tâm

Kế toán trưởng


Trương Văn Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2023

